

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa:

\* **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị N**, Sinh năm: 1994; Trú tại: **1 L, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng**.

\* **Bi đơn:** Ông **Lê Nguyễn Anh Q**, sinh năm: 1994. Trú tại: **1 L, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2024.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà **Võ Thị N**, Sinh năm: 1994 và ông **Lê Nguyễn Anh Q**, sinh năm 1994; Cùng trú tại: **1 L, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 **Về quan hệ hôn nhân:** Bà **Võ Thị N** và ông **Lê Nguyễn Anh Q** thống nhất thoả thuận thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 152 của **UBND phường N, quận S, TP Đà Nẵng** cấp ngày 20.11.2018 không còn giá trị pháp lý.

2.2. **Về con chung:** Bà **Võ Thị N** và ông **Lê Nguyễn Anh Q** xác nhận có 01 con chung là: **Lê Võ Thanh A**, sinh ngày 22.4.2022. Hai bên đương sự thống nhất thoả thuận:

Bà **Võ Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung **Lê Võ Thanh A**, sinh ngày 22.4.2022;

Ông **Lê Nguyễn Anh Q** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 6.2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian.

**2.3. Về tài sản chung và nợ chung:** Bà **Võ Thị N** và ông **Lê Nguyễn Anh Q** khai nhận không có.

**2.4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng bà **N** tự nguyện chịu và án phí cấp dưỡng nuôi con chung 150.000 đồng ông **Q** phải chịu nhưng bà **N** tự nguyện chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001965 ngày 15.4.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà **N** đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND p Nại Hiên Đông, q Sơn Trà, TPĐN
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thanh Thủy**

